

Số : 438/ QĐ-CĐCNTT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 9 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định mã đơn vị, mã bậc đào tạo, mã giảng viên,
mã sinh viên, mã lớp, mã lớp học phần**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ quyết định số 2054/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 27 tháng 4 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao Đẳng DL Công Nghệ Thông Tin TP. HCM;

Căn cứ quyết định số 8059/QĐ-BGD&ĐT ngày 21 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuyển loại hình hoạt động Trường Cao Đẳng DL Công Nghệ Thông Tin TP. HCM thành Trường Cao Đẳng CNTT TP. HCM hoạt động theo cơ chế tự thực;

Căn cứ thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động thương binh và xã hội quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét và công nhận tốt nghiệp;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này là quy định mã đơn vị, mã bậc đào tạo, mã giảng viên, mã sinh viên, mã lớp, mã lớp học phần tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế quyết định số: 81/QĐ-CNTT ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Công nghệ thông tin TP. HCM quy định mã đơn vị, mã bậc đào tạo, mã giảng viên, mã sinh viên, mã lớp, mã lớp học phần tại Trường Cao đẳng Công nghệ Thông tin TP. HCM.

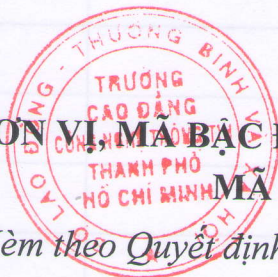
Điều 3. Các cá nhân và đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Lê Vũ Hùng



QUY ĐỊNH

MÃ ĐƠN VỊ, MÃ BẬC ĐÀO TẠO, MÃ GIẢNG VIÊN, MÃ SINH VIÊN, MÃ LỚP, MÃ LỚP HỌC PHẦN

(Kèm theo Quyết định số: 138/QĐ-CĐCNTT ngày 9 tháng 6 năm 2022)

I/ Quy định mã Đơn vị quản lý, giảng dạy học phần:

Mã gồm hai chữ số, xác định đơn vị quản lý, giảng dạy học phần:

Stt	Đơn vị quản lý và giảng dạy học phần	Mã
1	Khoa Công nghệ thông tin – Điện tử	01
2	Khoa Kinh tế	02
3	Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	10
4	Ban Lãnh đạo	11
5	Phòng Đào tạo	12
6	Phòng Kế hoạch – Tài chính	13
7	Phòng Tổ chức – Hành chính	14
8	Trung tâm Truyền thông và Quan hệ doanh nghiệp	15
9	Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	16
10	Phòng Công tác sinh viên	17
11	Phòng Tuyển sinh & Truyền thông	18
12		

II/ Quy định mã bậc, trình độ đào tạo giáo dục:

Stt	Bậc đào tạo	Mã
1	Thạc sỹ	1
2	Đại học chính quy	2
3	Đại học liên thông (từ cao đẳng)	3
4	Đại học liên thông (từ trung cấp)	4

5	Cao đẳng chính quy	5
6	Cao đẳng liên thông (từ trung cấp)	6
7	Cao đẳng vừa làm vừa học	7
8	Trung cấp	8
9	Sơ cấp	9
10	Ngắn hạn	10

III/ Quy định mã tính chất môn học/mô-đun:

Stt	Tính chất	Mã
1	Lý thuyết	MH
2	Thực hành/Thí nghiệm/ Đồ án/Đồ án môn học/ Hướng dẫn tham quan/ Thực tập tốt nghiệp/ Khóa luận tốt nghiệp/Chuyên đề tốt nghiệp/ Lý thuyết + Thực hành	MĐ

III/ Quy định mã môn học:

Mã môn học thuộc chương trình đào tạo gồm 08 chữ số: ABCDEFGH, trong đó:

A	B	C	D	E	F	G	H
---	---	---	---	---	---	---	---

- AB: mã tính chất môn học/mô-đun;
- C: mã bậc, trình độ đào tạo giáo dục;
- DE: mã đơn vị quản lý, giảng dạy học phần;
- FGH: Mã quy định số thứ tự học phần gồm ba chữ số (mã này do các khoa xây dựng môn học tự đánh số).

Ví dụ:

Cách xây dựng mã môn học: **Giáo dục chính trị bậc Cao đẳng chính quy**

- Mã tính chất môn học/mô-đun: AB=MH
- Mã bậc, trình độ đào tạo giáo dục: C=5
- Mã đơn vị quản lý, giảng dạy học phần: DE=02
- Mã quy định số thứ tự: FGH = 001

Khi đó mã môn học được xây dựng là: **MH502001**

V/ Quy định mã loại giảng viên, cán bộ, nhân viên:

Stt	Loại giảng viên, cán bộ, nhân viên	Mã
1	Giảng viên cơ hữu	0
2	Giảng viên thỉnh giảng	1
3	Cán bộ tham gia giảng dạy	2
4	Ban Lãnh đạo	3
5	Cán bộ quản lý	4
6	Nhân viên	5
7	Giảng viên cơ hữu 2	6

VI/ Quy định mã giảng viên, cán bộ, nhân viên:

Mã giảng viên gồm 06 chữ số: ABCDEF, trong đó:

A	B	C	D	E	F
---	---	---	---	---	---

- AB: Mã quy định đơn vị quản lý giảng viên
- C: Mã quy định loại giảng viên
- DEF: Số thứ tự trong đơn vị

Ví dụ:

Giảng viên Nguyễn Văn A, là giảng viên cơ hữu thuộc Khoa Công nghệ thông tin – Điện tử và số thứ tự trong Khoa là 14, vậy có mã giảng viên như sau: **010014**.

Trong đó :

- + AB = 01: Giảng viên thuộc Khoa Công nghệ thông tin – Điện tử
- + C = 0: Giảng viên cơ hữu
- + DEF = 014: Số thứ tự trong Khoa Công nghệ thông tin – Điện tử

Ghi chú:

1. Khi CB-GV-NV ký hợp đồng chính thức sẽ được cấp mã nhân sự như trên

2. Khi CB-GV-NV được chuyển vị trí làm việc hoặc chuyển từ giảng viên qua cán bộ quản lý/ nhân viên,... thì sẽ được cập nhật mã loại giảng viên, cán bộ, nhân viên (tạo thêm cột ghi thời điểm chuyển đổi trong file quản lý)
3. Khi CB-GV-NV đã nghỉ việc, sau đó quay vào làm lại thì được cấp mã lại từ đầu như CB-GV-NV mới.

VII/ Quy định mã ngành/ngành đào tạo trong mã sinh viên

+ Trình độ Cao đẳng chính quy:

Stt	Ngành, nghề đào tạo	Mã
1	Công nghệ thông tin	01
2	Truyền thông và Mạng máy tính	02
3	Hệ thống thông tin	03
4	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	04
5	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	05
6	Công nghệ kỹ thuật máy tính	06
7	Quản trị kinh doanh	07
8	Kế toán	08
9	Tài chính - Ngân hàng	09
10	Thiết kế đồ họa	10
11	Logistics	11
12	Marketing	12
13	Thương mại điện tử	13
14	Lập trình máy tính	14
15	Hướng dẫn du lịch	15
16	Kinh doanh xuất nhập khẩu	16
17	Truyền thông đa phương tiện	17
18	Thiết kế trang Web	18

+ Trình độ Trung cấp chính quy:

Stt	Ngành, nghề đào tạo	Mã
-----	---------------------	----

1	Tin học ứng dụng	01
2	Thiết kế và quản lý Website	02
3	Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính	03
4	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	04
5	Quản trị mạng máy tính	05
6	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	06
7	Kế toán doanh nghiệp	07

Áp dụng theo (DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐÀO TẠO MÃ CẤP IV - TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP, TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG (Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2019/TT-BLĐTBXH ngày 28/1/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

+ Trình độ Sơ cấp:

Stt	Ngành, nghề đào tạo	Mã
1		01
2		02

+ Trình độ Ngắn hạn:

Stt	Ngành, nghề đào tạo	Mã
1	Tiếng anh đầu ra	01
2	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	02
3	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	03

ON
ƯN
ĐẠI
TH
NH P
CHỈ M
★

VIII/ Quy định mã sinh viên

• Mã sinh viên gồm 09 chữ số: ABCDEFGHI, trong đó:

- A: mã bậc, trình độ đào tạo giáo dục;
- BC: Mã quy định sinh viên thuộc ngành, nghề đào tạo
- DE: Khóa học / Hai số cuối năm nhập học
- FGHI: Số thứ tự

Ví dụ:

Sinh viên Trần Triển Khai, là sinh viên học ngành Quản trị kinh doanh hệ cao đẳng khóa 22, nhập học năm 2022 và có số thứ tự là 0145. Vậy có mã sinh viên như sau: **507220145**.

Trong đó:

- + A = 5: Sinh viên học trình độ đào tạo **Cao đẳng chính quy**
 - + BC = 07: Sinh viên thuộc ngành **Quản trị kinh doanh**
 - + DE = 22: Năm nhập học là năm 2022 (Hai số cuối năm nhập học)
 - + FGHL = 0145: Số thứ tự của sinh viên trong danh sách
- Mã học viên lớp ngắn hạn gồm 10 chữ số: ABCDEFGHI, trong đó:
Mã sinh viên gồm 10 chữ số: ABCDEFGHIJ, trong đó:
 - AB: mã bậc, trình độ đào tạo giáo dục;
 - CD: Mã quy định sinh viên thuộc ngành, nghề đào tạo
 - EF: Khóa học / Hai số cuối năm nhập học
 - GHIJ: Số thứ tự

Ví dụ:

Học viên Nguyễn Văn Nam, là học viên học Tiếng anh đầu ra lớp ngắn hạn, năm 2022 và có số thứ tự là 0145. Vậy có mã sinh viên như sau: **1001220145**.

Trong đó:

- + AB = 10: Học viên học lớp ngắn hạn
- + CD = 01: Học viên thuộc lớp Tiếng anh đầu ra
- + EF = 22: Năm nhập học là năm 2022 (Hai số cuối năm nhập học)
- + GHIJ = 0145: Số thứ tự của học viên trong danh sách

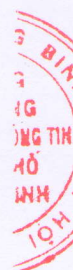
IX/ Quy định mã ngành/ngành đào tạo trong mã lớp học:

Stt	Ngành, nghề đào tạo bậc cao đẳng	Mã
1	Công nghệ thông tin	CT
2	Truyền thông và Mạng máy tính	TM
3	Hệ thống thông tin	HT
4	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	KD
5	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	DT

6	Công nghệ kỹ thuật máy tính	CM
7	Quản trị kinh doanh	QT
8	Kế toán	KT
9	Tài chính - ngân hàng	NH
10	Thiết kế đồ họa	ĐH
11	Logistics	LG
12	Ngành Marketing	MK
13	Ngành Thương mại điện tử	TD
14	Ngành Lập trình máy tính	LM
15	Ngành Hướng dẫn du lịch	HD
16	Ngành Kinh doanh xuất nhập khẩu	KX
17	Ngành Truyền thông đa phương tiện	TT
18	Ngành Thiết kế trang Web	TW

Stt	Ngành, nghề đào tạo bậc Trung cấp	Mã
1	Tin học ứng dụng	TH
2	Thiết kế và quản lý Website	TW
3	Vẽ thiết kế mỹ thuật có trợ giúp bằng máy tính	TM
4	Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính	KM
5	Quản trị mạng máy tính	MT
6	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	KV
7	Kế toán doanh nghiệp	KT

Stt	Ngành đào tạo hệ sơ cấp	Mã
1		
2		



Stt	Ngành đào tạo hệ ngắn hạn	Mã
1	Tiếng anh đầu ra	TR
2	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản	TC
3	Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao	TN

X/ Mã lớp học:

Mã lớp có dạng sau: ABCDEF[G]

Trong đó:

- AB: là 02 ký tự mã hóa cho bậc, trình độ đào tạo
 - + DH: Bậc đại học
 - + CD: Bậc cao đẳng
 - + LT: Bậc liên thông
 - + TC: Bậc trung cấp
 - + SC: Bậc sơ cấp
 - + SC: Sơ cấp
 - + NH: Ngắn hạn
- CD: là 02 ký tự số: chỉ khóa học/năm nhập học
- EF: là 02 ký tự mã hóa cho ngành, nghề đào tạo trong mã lớp học
- [G]: là ký tự số từ 1 – 9, chỉ thứ tự lớp trong một ngành.

Ví dụ :

Tên lớp là: **TC22TH1** thì trong đó:

- AB = TC: Bậc/ trình độ đào tạo trung cấp
- CD = 22: năm nhập học là năm 2022
- EF = TH: Ngành Tin học ứng dụng
- [G] = 1: số thứ tự lớp trong ngành Tin học ứng dụng.

XI/ Tên lớp học phần:

Mã lớp học phần có dạng sau: ABC_XX...XX_YYY.YYYY_ZZ...ZZ

Trong đó:

- AB: Mã quy định đơn vị quản lý;
- C: mã bậc, trình độ đào tạo giáo dục;
- XX...XX: Các ký tự viết tắt của tên học phần;
- YYY.YYYY: Là ký tự thể hiện thời gian mở lớp học phần;
- ZZ...ZZ : là các ký tự chỉ số nhóm học phần/tên nhóm học phần ;

Ví dụ:

Lớp học phần Điện tử cơ bản - nhóm 1 (nhóm của lớp CD21CM1) thuộc bậc cao đẳng do khoa Công nghệ Thông tin – Điện tử quản lý giảng dạy được học ở học kì 1 năm học 2022-2023.

Có mã lớp học phần là : **015_ĐTCB_HK1.2223_N1**, trong đó :

- + AB = 01: Khoa Công nghệ Thông tin – Điện tử quản lý giảng dạy;
- + C = 5: Bậc đào tạo Cao đẳng chính quy ;
- + ĐTCB: Các ký tự viết tắt của tên học phần Điện tử cơ bản ;
- + HK1.2223 : Là ký tự thể hiện thời gian mở học phần;
- + ZZ...ZZ : N1 (nhóm 1)

Hoặc mã lớp học phần là : **015_ĐTCB_HK1.2223_CD21CM1**, trong đó :

- + AB = 01: Khoa Công nghệ Thông tin – Điện tử quản lý giảng dạy;
- + C = 5: Bậc đào tạo Cao đẳng chính quy ;
- + ĐTCB: Các ký tự viết tắt của tên học phần Điện tử cơ bản ;
- + HK1.2223 : Là ký tự thể hiện thời gian mở học phần;
- + ZZ...ZZ : **CD21CM1** (nhóm của lớp CD21CM1)

